WORKSHEET

Date: ..... Review words:	Teacher's feedbacks

Task 1: Look and write the synonym words. (Con nhìn và ghi từ đồng nghĩa)

happy	=	.....
worried	=	.....
afraid	=	.....
slim	=	.....
child	=	.....
small	=	.....

LIVEWORKSHEETS

Task 2: Look and write the antonym words. (Con nhìn và ghi từ đồng nghĩa)

shy	><	.....
excited	><	.....
scared	><	.....
hungry	><	.....
hot	><	.....
small	><	.....
boy	><	.....
tall	><	.....

LIVEWORKSHEETS

Task 3: Answer the questions: (Con nhìn và trả lời câu hỏi)

How do you feel when you eat a lot?

.....

How do you feel when you sit in a dark room?

.....

How do you feel when you want to eat ice cream?

.....

How do you feel when you wear a sweater?

.....

LIVEWORKSHEETS